

Số: 02/2015/QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày 15 tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất và
đơn giá thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 53/2010/NĐ-CP ngày 19/5/2010 của Chính phủ quy định về địa bàn ưu đãi đầu tư, ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với đơn vị hành chính mới thành lập do Chính phủ điều chỉnh địa giới hành chính;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3761/TTr-STC ngày 08/12/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất và đơn giá thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước như sau:

1. Đối tượng áp dụng

Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

2. Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất

a) Đối với các thị xã: Đồng Xoài, Bình Long, Phước Long là 1,25%.

b) Đối với các huyện: Chơn Thành, Đồng Phú, Hớn Quản là 1%.

c) Đối với các huyện: Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Đăng, Bù Gia Mập là 0,5%.

3. Đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm

a) Đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần công trình xây dựng trên mặt đất) có mục đích kinh doanh, đơn giá thuê đất được xác định như sau:

- Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất được xác định bằng 20% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm có cùng mục đích sử dụng.

- Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất được xác định bằng 20% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời gian sử dụng đất.

b) Đối với đất xây dựng công trình ngầm gắn với phần ngầm công trình xây dựng trên mặt đất mà có phần diện tích xây dựng công trình ngầm vượt ra ngoài phần diện tích trên bề mặt có thu tiền thuê đất thì số tiền thuê đất phải nộp của phần diện tích vượt thêm này được xác định theo quy định tại Điểm a Khoản này.

4. Đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước

Đối với phần diện tích đất có mặt nước thì đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được quy định như sau:

a) Đối với thị xã Đồng Xoài đơn giá thuê đất có mặt nước được xác định bằng 60% đơn giá thuê của loại đất có vị trí liền kề có cùng mục đích sử dụng.

b) Đối với các huyện, thị xã: Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Đăng, Bù Gia Mập, Chơn Thành, Đồng Phú, Hớn Quản, Bình Long, Phước Long đơn giá thuê đất có mặt nước được xác định bằng 50% đơn giá thuê của loại đất có vị trí liền kề có cùng mục đích sử dụng.

5. Đơn giá thuê mặt nước

1. Dự án sử dụng mặt nước cố định: 400.000 đồng/ha/năm.

2. Dự án sử dụng mặt nước không cố định: 1.000.000 đồng/ha/năm.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 40/2011/QĐ-UBND ngày 16/6/2011 của UBND tỉnh ban hành đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Các ông/bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch UBND các

huyện, thị xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT, các TV UBND tỉnh;
- UBMTTQVN;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 3;
- LĐVP, các phòng;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Phạm Văn Công